

Thứ hai, ngày 26 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Áp lực bán tăng mạnh vào phiên chiều

Dự đoán xu hướng thị trường	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/10/2020		•	
Tuần 26/10-30/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:
Thị trường cơ sở: VNIndex đã duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch đầu tuần nhưng việc áp lực bán tăng cao vào phiên chiều đã đẩy chỉ số quay đầu giảm và dờn về quanh 950 điểm. Dòng tiền đầu tư sụt giảm khi chỉ còn 3/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường không chênh lệch nhiều so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý chốt lời tại các vùng cao điểm hiện đang lớn dần. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex nhiều khả năng sẽ chưa thể giảm sâu và vẫn duy trì trên 940 điểm trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2106, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/10/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_0.3%

Phân tích kỹ thuật: PHR_Kiểm tra lại kháng cự (Trang 3)

- Điểm nhấn**
- VN-Index -10.46 điểm, đóng cửa 950.8. HNX-Index -2.67 điểm, đóng cửa 139.03.
 - Kéo chỉ số tăng: VIC (+1.07); MSN (+0.65); VNM (+0.3); PLX (+0.17); PNJ (+0.06).
 - Kéo chỉ số giảm: BID (-1.97); VCB (-1.55); CTG (-1.32); VHM (-0.92); VPB (-0.92).
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 7,953 tỷ đồng, +1.79% so với phiên trước.
 - Biên độ dao động là 19.35 điểm. Thị trường có 137 mã tăng, 49 mã tham chiếu và 286 mã giảm.
 - Giá trị bán ròng của khối ngoại: -415.31 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm MSN (-154.4 tỷ), HPG (-114.6 tỷ) và VIC (-59.7 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 1.38 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **950.80**
Giá trị: 7953.75 tỷ -10.46 (-1.09%)
Khối ngoại (ròng): -415.31 tỷ

HNX-INDEX **139.03**
Giá trị: 592.05 tỷ -2.67 (-1.88%)
Khối ngoại (ròng): 1.38 tỷ

UPCOM-INDEX **63.57**
Giá trị: 0.33 tỷ -0.34 (-0.53%)
Khối ngoại (ròng): -6.32 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	38.5	-3.36%
Giá vàng	1,897	-0.26%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,465	0.39%
Tỷ giá JPY/VND	22,098	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	18.00%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	39.0	MSN	-154.4
FUEVFN	12.5	HPG	-114.6
BVH	7.7	VIC	-59.7
VPB	5.5	VSC	-56.6
VHC	5.1	VCB	-34.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_0.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	0.3%	0.3%	0.8%	0.8%	21.4%	22.3%	28.7%
Hàng tiêu dùng	0.1%	0.1%	8.7%	8.7%	28.5%	17.9%	29.0%
FTSE Việt Nam	-0.2%	-0.2%	6.2%	6.2%	16.0%	3.5%	25.0%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-0.2%	3.2%	3.2%	26.9%	9.8%	30.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.4%	-0.4%	8.5%	8.5%	18.5%	2.6%	24.9%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.6%	-0.6%	0.9%	0.9%	15.3%	5.6%	21.2%
Đầu tư công	-0.6%	-0.6%	1.3%	1.3%	26.6%	19.4%	25.4%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.7%	-0.7%	1.1%	1.1%	16.5%	3.1%	24.7%
Nước & Năng lượng	-0.7%	-0.7%	-1.0%	-1.0%	14.8%	3.3%	25.6%
Dầu khí	-0.8%	-0.8%	-2.9%	-2.9%	9.2%	-16.5%	38.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.9%	-0.9%	8.9%	8.9%	27.2%	13.0%	27.1%
EVFTA	-0.9%	-0.9%	0.6%	0.6%	1.6%	1.6%	14.4%
Xây dựng	-0.9%	-0.9%	0.6%	0.6%	23.3%	14.0%	30.3%
Corona Avengers	-1.1%	-1.1%	1.0%	1.0%	17.9%	13.6%	34.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.2%	-1.2%	1.0%	1.0%	20.2%	22.8%	21.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.3%	-1.3%	4.6%	4.6%	20.7%	5.8%	27.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.3%	-1.3%	6.9%	6.9%	23.6%	-0.8%	31.9%
Lãi suất giảm	-1.4%	-1.4%	-1.0%	-1.0%	22.0%	18.3%	31.9%
Stay-at-home	-1.4%	-1.4%	-1.5%	-1.5%	19.1%	24.6%	33.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.6%	-1.6%	5.6%	5.6%	24.3%	5.1%	29.7%
Vật liệu Xây dựng	-1.6%	-1.6%	3.6%	3.6%	24.2%	21.3%	28.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.0%	-2.0%	7.0%	7.0%	25.9%	18.2%	30.3%
VN Diamond	-2.3%	-2.3%	5.6%	5.6%	21.6%	0.0%	30.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-2.9%	-2.9%	4.3%	4.3%	18.7%	5.6%	31.3%
Ngân Hàng	-2.9%	-2.9%	8.2%	8.2%	30.8%	19.5%	33.2%
VN FinSelect	-3.0%	-3.0%	4.4%	4.4%	18.1%	5.4%	29.7%

Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	-0.2%	-0.2%	4.0%	4.0%	24.2%	5.4%	27.7%
L32	-0.3%	-0.3%	10.4%	10.4%	26.6%	2.2%	30.6%
L11	-0.3%	-0.3%	3.4%	3.4%	19.3%	5.9%	24.4%
S21	-0.3%	-0.3%	4.3%	4.3%	26.2%	9.1%	27.6%
M12	-0.5%	-0.5%	5.5%	5.5%	18.1%	5.3%	25.4%
S11	-0.7%	-0.7%	5.3%	5.3%	23.8%	22.9%	25.7%
M22	-0.8%	-0.8%	5.0%	5.0%	19.5%	13.2%	25.8%
S32	-0.9%	-0.9%	7.3%	7.3%	25.1%	1.4%	33.4%
M31	-1.4%	-1.4%	5.9%	5.9%	25.7%	9.2%	30.4%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.4%	-0.4%	6.9%	6.9%	23.7%	7.3%	28.4%
LOW1	-0.8%	-0.8%	4.0%	4.0%	15.9%	4.0%	25.5%
MID1	-0.9%	-0.9%	3.6%	3.6%	24.4%	20.0%	25.5%

INDEX							
VNINDEX	-1.1%	-1.1%	5.0%	5.0%	15.2%	-1.1%	24.3%
VN30INDEX	-1.2%	-1.2%	7.1%	7.1%	19.3%	4.6%	25.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	13	13	13	13	9	17
Mục tiêu	9	8	1	8	1	6	3
Rủi ro	3	3	0	3	0	1	2

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 26/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.61	-3.11%	-6.00%	-4.90%	-27.75%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.57	-2.87%	-4.80%	-4.50%	-30.29%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	111.32	-2.26%	-4.20%	-5.10%	-26.86%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1899.28	-0.15%	-0.30%	1.70%	29.34%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.21	-1.60%	-0.70%	4.60%	41.54%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1083.50	0.23%	2.80%	8.00%	11.50%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	631.25	-0.24%	0.70%	14.80%	14.62%		AFX
Sữa	USD /cwt	22.74	2.48%	5.00%	25.70%	31.75%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	238.77	7.75%	23.30%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.72	-0.41%	2.00%	10.40%	10.51%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	105.60	-1.03%	-1.50%	-4.40%	-2.94%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6867.50	-0.79%	1.90%	4.00%	15.91%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	539.52	-1.19%	-0.60%	1.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	565.95	-0.80%	1.20%	3.00%			
Nhôm	USD/ton	1842.50	-0.22%	-1.50%	5.00%	6.63%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	114.46	-2.69%	-2.70%	-4.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	58.00	1.05%	0.90%	-4.10%	-22.56%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 89 US cent, hay 2.1%, xuống 42.46 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 12 giảm 89 US cent, hay 2.2%, xuống 38.96 USD/thùng. Dầu giảm chủ yếu bởi số ca mắc bệnh Covid-19 tăng nhanh chóng tại Mỹ và Pháp. Đồng thời, National Oil Corp của Lybia cũng cho biết sản lượng khả năng đạt 1 triệu thùng/ngày trong bốn tuần tới. Lượng giàn khoan tăng lên 287, cao hơn 5 giàn trong tuần kết thúc hôm 23/10 tại Mỹ, theo Baker Hughes Co.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.2% xuống 1,897.35 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,898.20 USD/ounce.

	26/10	% 26/10	23/10	% 23/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	950.80	-1.09%	961.26	1.20%	0.75%	4.65%
S&P 500			3465.39	0.34%	-0.53%	7.06%
HĐTL S&P500	3420.00	-0.92%	3451.75	0.07%	-0.08%	5.62%
Shang- hai	3251.12	-0.82%	3278.00	-1.04%	-1.86%	-1.00%
Euro Stoxx	3144.49	-1.70%	3198.86	0.87%	-3.02%	-0.48%

Phân tích kỹ thuật

PHR_Kiểm tra lại kháng cự

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD sắp cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập.

Nhận định: PHR đang quay trở lại kiểm tra ngưỡng kháng cự 60.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ nhịp hồi phục ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đang có dấu hiệu cắt trở lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế cổ phiếu trong vùng giá 55.0 - 56.0 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 60.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ trung hạn 55.0. Nếu cổ phiếu vượt ngưỡng 60 với thanh khoản lớn, PHR có thể quay lại vùng giá 65-70 trong trung hạn.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Chúng tôi dự báo, DTT và LNST của PHR trong năm 2020 đạt 1,693 tỷ đồng (+3.5% yoy) và 1,061 tỷ đồng (+115% yoy) tương đương EPS đạt 9,876 đồng/cp (trừ quỹ khen thưởng phúc lợi) với giả định:

(1) Giá cao su sẽ ở mức 32 triệu đồng/tấn (-5% yoy), sản lượng tiêu thụ ước đạt 29,400 tấn (-10%), biên LNG mảng cao su giảm xuống mức 13% từ mức 14% của năm 2019.

(2) Thu nhập khác từ việc bàn giao đất cho NTC 865 tỷ đồng (đóng góp 82% LNST) và thanh lý 400 ha cây cao su với ở mức 300 triệu đồng/ha (-30% yoy). Chúng tôi cho rằng chiến lược chuyển đổi sang đất cao su sang kinh doanh KCN của DN là đúng đắn khi ngành KCN sẽ tiếp tục hưởng lợi từ chuỗi dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc do tác động dịch bệnh Covid-19, các hiệp định FTA thu hút vốn FDI và đầu tư công cải thiện cơ sở hạ tầng.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **PHR 2020Q2**

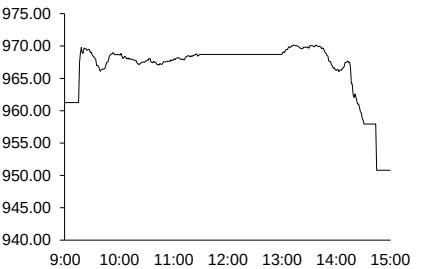
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	-2.89%
Bảo hiểm	-2.37%
Dịch vụ tài chính	-2.03%
Công nghệ Thông tin	-1.80%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.69%
Xây dựng và Vật liệu	-1.43%
Ô tô và phụ tùng	-0.94%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.57%
Du lịch và Giải trí	-0.53%
Tài nguyên Cơ bản	-0.48%
Hóa chất	-0.39%
Bất động sản	-0.26%
Bán lẻ	-0.24%
Y tế	-0.23%
Truyền thông	-0.08%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	0.29%
Dầu khí	0.34%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.60%

Hình 1

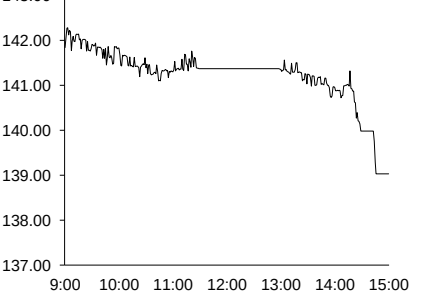
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	17.3	3	0.00%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	24.8	4	0.81%	Có thể tiếp tục mua
10/21/2020	DHC	46	52	44	48.2	5	4.78%	Có thể tiếp tục mua
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	24.65	6	-1.60%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	52.8	10	-0.75%	Có thể tiếp tục mua
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	63.6	11	2.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	23.35	12	2.19%	Có thể tiếp tục mua
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	17.1	13	8.57%	Cần nhắc không mua thêm (**)
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	72	19	-2.83%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	15	25	-1.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	110.5	27	1.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.2	28	-2.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	10.6	31	-6.61%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	89.7	32	10.60%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11	34	-3.93%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.4	35	3.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	52.8	39	-0.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29	42	3.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.9	45	3.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.5	46	-1.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.85	48	5.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.2	14.52	11.62	12.2	53	0.00%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/31/2020	VJC	103	112	100	104.5	56	1.46%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24	60	-5.51%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43	77	-3.15%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	37.95	124	23.66%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.5	132	4.81%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) **Trạng thái kỹ thuật không tốt**
 (**) **Tiệm cận giá mục tiêu**

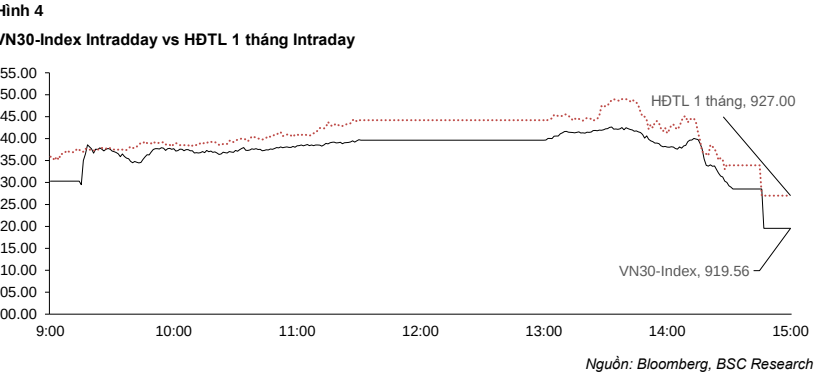
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	SL	14	-4.17%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	TP	14	9.59%
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	SL	18	-3.18%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	TP	21	14.75%

Chú thích:
 Thống kê 9 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	16	11	4.82%	-2.84%	1.70%	38
Cổ phiếu đã chốt	45	27	12.31%	-8.29%	4.58%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	927.00	-0.86%	7.44	1.3%	127,361	11/19/2020	26
VN30F2012	921.00	-1.18%	1.44	42.5%	570	12/17/2020	54
VN30F2103	920.00	-0.66%	0.44	115.6%	97	3/18/2021	145
VN30F2106	920.00	0.01%	0.44	-34.6%	136	6/17/2021	236

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -10.74 điểm, xuống 919.56 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, CTG, STB, FPT tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của của VN30. VN30 tăng tích cực trong phần lớn thời gian giao dịch lên trên 940 điểm, trước khi quay đầu giảm điểm mạnh cuối phiên chiều xuống dưới 920 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy quanh 920-930 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2106, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 900 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2012	1/18/2021	84	1:1	29,740	37.40%	6,100	12,760	7.14%	5,100	2.50	32,600	26,500	30,800
CHPG2016	1/14/2021	80	2:1	264,120	37.40%	2,200	5,600	5.46%	2,150	2.61	31,900	27,500	30,800
CVNM2010	2/8/2021	105	10:1	74,800	32.17%	2,680	3,070	4.78%	857	3.58	112,223	90,238	110,500
CMWG2010	1/14/2021	80	10:1	181,870	41.72%	1,400	3,240	4.18%	2,932	1.10	96,000	82,000	110,000
CHPG2010	4/5/2021	161	4:1	547,590	37.40%	1,800	2,130	3.90%	596	3.58	40,300	33,100	30,800
CHPG2002	12/16/2020	51	2:1	208,480	37.40%	1,700	4,260	3.40%	1,117	3.81	33,399	29,999	30,800
CHPG2018	5/14/2021	200	4:1	219,860	37.40%	1,200	1,550	3.33%	1,037	1.49	34,799	29,999	30,800
CMWG2012	2/8/2021	105	5:1	30,080	41.72%	4,390	7,010	3.09%	6,343	1.11	101,950	80,000	110,000
CMWG2007	11/30/2020	35	1:1	32,370	41.72%	12,900	26,430	3.08%	23,553	1.12	99,900	87,000	110,000
CHPG2019	12/18/2020	53	2:1	489,820	37.40%	1,630	3,660	1.95%	3,463	1.06	27,360	24,100	30,800
CVNM2009	11/20/2020	25	10:1	365,620	32.17%	1,810	3,000	-1.64%	704	4.26	102,436	87,780	110,500
CVHM2005	1/14/2021	80	10:1	595,610	38.24%	1,400	930	-3.13%	575	1.62	93,000	79,000	78,500
CVHM2007	2/8/2021	105	5:1	426,840	38.24%	2,900	2,060	-3.29%	1,749	1.18	89,500	75,000	78,500
CTCB2008	12/18/2020	53	2:1	434,150	38.71%	1,720	2,350	-3.69%	1,853	1.27	23,440	20,000	23,350
CVHM2002	11/30/2020	35	1:1	126,710	38.24%	11,500	5,370	-5.95%	4,661	1.15	88,500	77,000	78,500
CFPT2009	12/18/2020	53	3:1	471,020	32.19%	2,480	2,750	-6.78%	2,263	1.21	54,240	46,800	52,800
CFPT2008	1/14/2021	80	5:1	776,300	32.19%	1,500	1,730	-6.99%	1,274	1.36	55,500	48,000	52,800
CMBB2007	1/14/2021	80	2:1	548,990	35.51%	1,400	2,390	-8.08%	1,060	2.26	17,217	14,783	18,400
CTCB2005	11/30/2020	35	1:1	153,260	38.71%	3,000	2,520	-8.36%	1,957	1.29	25,000	22,000	23,350
CVPB2008	1/14/2021	80	2:1	864,900	45.19%	1,800	2,000	-14.53%	1,730	1.16	25,600	22,000	24,300
Tổng				6,842,130	37.56%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/10/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.
- CMWG2011 và CMSN2010 tăng mạnh lần lượt là 23.71% và 22.74%. Trái lại, CVPB2006 và CVPB2008 giảm mạnh lần lượt là -15.74% và -14.53%. Giá trị giao dịch tăng 12.62%. CTCB2007 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.21% thị trường.
- CMSN2005, CMSN2010, CMSN2008, CMSN2001, và CREE2003 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CMSN2008, và CMSN2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMWG2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	110.0	0.0%	1.2	2,165	5.1	8,348	13.2	3.5	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	69.0	1.5%	1.3	675	5.5	4,592	15.0	3.2	49.0%	22.8%	
BVH	Bảo hiểm	53.9	-2.9%	1.5	1,740	3.8	1,625	33.2	2.0	28.4%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	30.0	0.7%	0.3	292	0.0	2,729	11.0	1.0	54.4%	9.1%	
VIC	Bất động sản	105.1	1.1%	0.8	15,456	4.6	2,336	45.0	4.2	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	27.8	-2.1%	1.1	2,742	8.5	1,057	26.3	2.3	30.7%	8.9%	
VHM	Bất động sản	78.5	-1.3%	1.2	11,227	12.8	6,686	11.7	3.8	22.0%	36.5%	
DXG	Bất động sản	11.8	-3.3%	1.4	266	2.1	(151)	N/A	N/A	0.9	35.4%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.6	-1.7%	1.3	460	3.7	1,718	10.2	1.1	50.3%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	35.8	-6.6%	1.0	258	1.8	3,770	9.5	1.5	26.9%	15.9%	
HCM	Chứng khoán	21.9	-0.9%	1.6	290	2.9	1,705	12.8	1.5	48.8%	11.8%	
FPT	Công nghệ	52.8	-2.0%	0.8	1,800	9.0	4,280	12.3	2.8	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	51.0	0.0%	0.4	607	0.0	4,812	10.6	2.7	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	72.0	-2.0%	1.4	5,991	2.1	4,752	15.2	2.9	3.1%	19.7%	
PLX	Dầu khí	50.0	1.0%	1.5	2,650	0.6	867	57.7	3.0	16.0%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.5	-2.9%	1.5	281	4.0	1,339	10.1	0.5	10.1%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.9	-1.4%	0.8	930	1.0	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	103.0	-0.9%	0.5	586	0.0	5,405	19.1	4.0	54.8%	21.7%	
DPM	Hóa chất	17.0	-1.5%	0.4	288	1.0	2,011	8.4	0.8	11.9%	10.4%	
DCM	Hóa chất	12.6	-2.0%	0.5	289	0.9	709	17.7	1.0	3.4%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	86.0	-1.7%	1.1	13,868	3.4	4,630	18.6	3.4	23.6%	19.7%	
BID	Ngân hàng	41.0	-4.2%	1.3	7,170	6.2	2,132	19.2	2.2	17.4%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	30.5	-4.1%	1.2	4,938	12.1	2,995	10.2	1.4	29.4%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	24.3	-5.4%	1.2	2,576	10.9	4,111	5.9	1.2	23.2%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	18.4	-2.4%	1.1	2,219	7.2	2,995	6.1	1.1	23.0%	20.0%	
ACB	Ngân hàng	24.8	-3.1%	0.9	2,331	12.8	3,109	8.0	1.7	30.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	55.5	-3.3%	0.8	198	0.4	5,781	9.6	1.9	81.1%	19.5%	
NTP	Nhựa	36.5	5.8%	0.4	187	0.3	3,820	9.6	1.6	19.0%	17.5%	
MSR	Tài nguyên	17.1	-2.3%	0.3	735	0.2	356	48.0	1.4	1.7%	2.9%	
HPG	Thép	30.8	-0.3%	1.2	4,437	27.6	3,302	9.3	1.9	34.3%	18.1%	
HSG	Thép	15.3	-1.0%	1.5	295	7.0	1,767	8.6	1.1	9.3%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	110.5	0.5%	0.8	10,039	11.2	4,615	23.9	7.7	58.0%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	185.0	-0.4%	0.8	5,158	0.7	6,328	29.2	6.4	63.1%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	87.9	2.2%	1.1	4,489	17.7	3,255	27.0	4.4	36.7%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.0	-2.0%	0.9	383	2.0	619	24.2	1.2	5.2%	5.3%	
ACV	Vận tải	63.6	0.2%	0.8	6,020	0.5	3,450	18.4	3.8	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	104.5	-0.8%	1.1	2,380	2.8	3,480	30.0	3.7	17.5%	12.3%	
HVN	Vận tải	25.7	-0.4%	1.7	1,585	0.3	(3,871)	N/A	N/A	3.2	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.5	-0.8%	0.9	303	0.6	1,381	17.0	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.4	-1.8%	1.2	163	1.1	2,076	6.4	0.8	17.7%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	75.9	-2.6%	1.0	512	1.3	8,104	9.4	3.6	2.9%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	22.9	-0.7%	0.7	445	0.1	1,363	16.8	1.5	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	-2.5%	0.9	259	0.9	1,762	8.9	1.0	6.0%	11.9%	
CTD	Xây dựng	56.5	-0.7%	1.0	187	1.6	8,453	6.7	0.5	46.6%	7.9%	
CII	Xây dựng	17.0	-3.1%	0.2	177	1.2	1,562	10.9	0.8	32.4%	7.6%	
REE	Điện	41.9	-0.2%	-1.4	565	0.8	4,780	8.8	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	22.4	-0.9%	-0.4	155	0.3	2,176	10.3	1.0	14.3%	9.9%	
POW	Điện	10.1	-1.9%	0.6	1,028	2.3	933	10.8	0.8	9.9%	8.1%	
NT2	Điện	22.4	-0.9%	0.6	280	0.2	2,103	10.7	1.6	19.3%	14.6%	
KBC	Khu công nghiệp	14.4	-2.0%	0.8	294	1.3	1,156	12.5	0.7	18.3%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	39.8	0%	1.0	1,791	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	105.10	1.06	1.06	974720
MSN	87.90	2.21	0.64	4.67MLN
VNM	110.50	0.45	0.25	2.31MLN
PLX	50.00	1.01	0.18	266000
PNJ	69.00	1.47	0.06	1.80MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-2.06	3.38MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-1.58	911390	607060
CTG	0.00	-1.38	8.90MLN	373600
VPB	-0.01	-0.98	9.96MLN	192700
VHM	0.00	-0.95	3.67MLN	611640

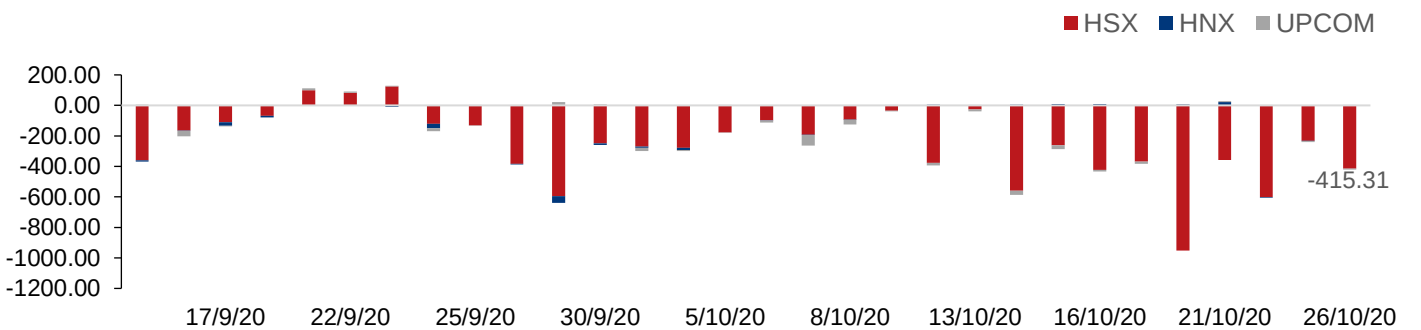
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNC	10.10	6.99	0.00	13650.00
GIL	29.55	6.87	0.02	437930
VIS	13.40	6.77	0.02	15790
TNT	1.61	6.62	0.00	444330
ABT	32.80	6.49	0.01	1390

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ASP	5.71	-8.49	-0.01	29900
VAF	9.04	-7.00	-0.01	20
MCP	25.95	-6.99	-0.01	30.00
SGT	5.46	-6.98	-0.01	2280
L10	12.70	-6.96	0.00	10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	110.0	8,348	13.2	3.5	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.7	885	9.8	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	42.1	5,130	8.2	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.6	1,944	12.7	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	30.8	3,302	9.3	1.9	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.8	2,627	10.2	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.3	4,111	5.9	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.1	13,673	3.0	1.1	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	87.9	3,255	27.0	4.4	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	41.7	5,316	7.8	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.3	1,767	8.6	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.0	5,479	7.8	2.1	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	24.2	1,816	13.3	2.0	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	30.8	3,302	9.3	1.9	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	23.4	3,103	7.5	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	69.0	4,592	15.0	3.2	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	106.6	4,105	26.0	9.1	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.8	-151	#N/A N/A	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	20.8	1,721	12.1	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.9	7,583	3.3	1.4	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	28.8	5,224	5.5	1.3	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	51.6	5,241	9.8	2.1	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	86.0	4,630	18.6	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	24.8	3,109	8.0	1.7	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	42.1	5,130	8.2	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	56.5	5,872	9.6	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	52.8	4,280	12.3	2.8	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.5	1,381	17.0	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.4	1,156	12.5	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	185.0	6,328	29.2	6.4	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.6	1,944	12.7	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	110.5	4,615	23.9	7.7	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.6	1,340	8.6	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	110.0	8,348	13.2	3.5	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.9	1,918	10.4	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.0	5,405	19.1	4.0	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.4	2,076	6.4	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	69.0	4,592	15.0	3.2	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	32.1	4,313	7.4	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	239.6	14,782	16.2	6.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

- 

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...
- 

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.
- 

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.
- 

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày		
Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639